

Bản án số: 1660/2018/DS-ST

Ngày: 27/11/2018

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: 1/- Bà Đặng Thị Ngọc Hằng

2/- Bà Nguyễn Thị Xuyên

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Quân – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3,
Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:* Bà Bùi Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 719/2018/TLST-DS ngày 07/06/2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 420/2018/QĐST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 478/2018/QĐST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Tài Chính TNHH Một thành viên Ngân hàng A.

Địa chỉ: Đường Đoàn Văn Bơ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đào A- Đại diện theo văn bản ủy quyền số 5858/UQTA-VH.18 ngày 17/04/2018.

(Có mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn B, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thiện Thuật, Phường 3, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/4/2018, bạn tự khai, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty Tài Chính TNHH Một thành viên Ngân hàng A có ông Đào A là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 25/9/2015, ông Nguyễn B có ký hợp đồng số 20150925-500000-0378 với Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng A, để vay số tiền 32.966.868 đồng (Ba mươi hai triệu chín trăm sáu mươi sáu nghìn tám trăm sáu mươi tám đồng chẵn), với lãi suất thỏa thuận 5%/tháng. Mục đích vay tiêu dùng cá nhân.

Theo thỏa thuận trong hợp đồng, ông Nguyễn B có trách nhiệm thanh toán số tiền 32.966.868 đồng tiền gốc và 39.324.132 đồng tiền lãi, tổng cộng là 72.291.000 đồng (Bảy mươi hai triệu hai trăm chín mươi một nghìn đồng chẵn) trả chậm trong vòng 36 tháng, 35 tháng đầu trả 1.993.000 đồng/tháng, tháng cuối cùng trả 2.536.000 đồng, kỳ thanh toán đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/11/2015.

Thực hiện hợp đồng, ông B đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và thanh toán cho Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng A được 12 kỳ với tổng số tiền cả gốc và lãi là 24.216.000 đồng, trong đó có 5.297.988 đồng tiền gốc và 18.918.012 đồng tiền lãi. Kể từ ngày 18/10/2016 đến nay, ông Nguyễn B không thanh toán thêm bất cứ khoản nào dù Công ty đã nhiều lần nhắc nhở.

Do khách hàng trễ hạn thanh toán nên Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng A khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn B thanh toán một cho nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ gồm các khoản như sau:

- Toàn nợ gốc là 27.668.880 đồng.
- Toàn bộ nợ lãi là 20.406.120 đồng.

Tổng số tiền mà Công ty khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn B phải thanh toán là 48.075.000 đồng (Bốn mươi tám triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng chẵn).

Tại bản tự khai ngày 09/10/2018 ông Nguyễn B trình bày:

Ông xác nhận vào ngày 25/9/2015, ông có ký hợp đồng với số hiệu hồ sơ là 20150925-500000-0378 với Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng A vay số tiền 32.966.868 đồng (Ba mươi hai triệu chín trăm sáu mươi sáu nghìn tám trăm sáu mươi tám đồng chẵn) với lãi suất thỏa thuận 5%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng ông có trách nhiệm thanh toán số tiền 32.966.868 đồng tiền gốc và 39.324.132 đồng tiền lãi, tổng cộng là 72.291.000 đồng (Bảy mươi hai triệu hai trăm chín mươi một nghìn đồng chẵn) trả chậm trong vòng 36 tháng, 35 tháng đầu trả 1.993.000 đồng/tháng, tháng cuối cùng trả 2.536.000 đồng, kỳ thanh toán đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/11/2015.

Thực hiện hợp đồng ông đã nhận đủ số tiền 32.966.868 đồng (Ba mươi hai triệu chín trăm sáu mươi sáu nghìn tám trăm sáu mươi tám đồng chẵn). Nhưng mới thanh toán được 12 kỳ với tổng số tiền cả gốc và lãi là 24.216.000 đồng. Từ ngày 18/10/2016 đến nay, ông không thanh toán thêm được khoản nào khác.

Nay do bị bệnh từ đầu năm 2017 đến nay, nên không đủ sức khỏe để kiểm việc làm, không đủ khả năng tài chính và bảo hiểm y tế để chữa bệnh. Ông đề nghị Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng A cho thời hạn 03 tháng để chữa bệnh do bệnh tình đang phục hồi được 60%. Ông cam kết sau khi khỏi bệnh sẽ kiểm việc làm và dùng 40% lương để trả nợ cho Công ty mỗi tháng.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn Công ty Tài Chính TNHH Một thành viên Ngân hàng A có ông Đào A là Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án tuyên buộc ông Nguyễn B có trách nhiệm thanh toán số tiền cả gốc và lãi là 48.075.000 đồng (Bốn mươi tám triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng chẵn). Nguyên đơn không yêu cầu tính tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng.

- Bị đơn ông Nguyễn B vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu ý kiến:

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Tòa án nhân dân Quận 3, quá trình giải quyết, thu thập chứng cứ và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án, nhận thấy bị đơn ông Nguyễn B không thực hiện đúng thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng đã ký kết. Nguyên đơn Công ty Tài Chính TNHH Một thành viên Ngân hàng A khởi kiện bị đơn ông Nguyễn B là có cơ sở. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

[1.1] Nguyên đơn Công ty Tài Chính TNHH Một thành viên Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên buộc bị đơn ông Nguyễn B có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng nên đây là vụ án tranh chấp về dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn ông Nguyễn B cư trú tại Quận 3, nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3.

[1.3] Bị đơn ông B đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng không có mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông B theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự là phù hợp.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[2.1] Về số nợ gốc:

Tại khoản 1 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng quy định về trường hợp chấm dứt cấp tín dụng, xử lý nợ như sau: *“Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng.”*

Do ông Nguyễn B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng chấm dứt việc cấp tín dụng và thu hồi nợ trước hạn khoản cấp tín dụng chưa thanh toán đối với ông B là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng.

Căn cứ hợp đồng tín dụng số 20150925-500000-0378 ngày 25/9/2015 và tại các bản tự khai của các đương sự cho thấy vào ngày 25/9/2015 ông Nguyễn B có ký hợp đồng tín dụng với Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng A để vay số tiền 32.966.868 đồng. Ông B đã thanh toán được số nợ gốc là 5.297.988 đồng. Kể từ từ 18/10/2016, ông B không thanh toán cho nguyên đơn nữa là đã vi phạm thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên. Do đó, xét việc Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu ông B phải có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc còn lại là 27.668.880 đồng là có cơ sở nên được chấp nhận.

[2.3] Về số nợ lãi:

Tại Hợp đồng tín dụng số 20150925-500000-0378 ngày 25/9/2015 các bên có thỏa thuận lãi suất 5%/tháng. Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng quy định: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.”* Căn cứ khoản 1 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng, Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng quy định: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận về lãi suất cho vay theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của khách hàng...”* thì mức lãi suất 5%/tháng do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 20150925-500000-0378 ngày 25/9/2015 là hoàn toàn phù hợp.

Xét việc ông Nguyễn B đã cam kết trả lãi cho nguyên đơn số tiền 39.324.132 đồng, thực tế đã thanh toán được số tiền lãi là 18.918.012 đồng. Tuy nhiên kể từ ngày 18/10/2016 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nữa là đã vi phạm thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 20150925-500000-0378 ngày 25/9/2015. Do đó việc Công ty Tài Chính TNHH Một thành viên Ngân hàng A yêu cầu ông Nguyễn B phải thanh toán số tiền lãi còn lại là 20.406.120 đồng là có cơ sở nên được chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội thì bị đơn ông Nguyễn B phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ngân hàng A được chấp nhận số tiền là 2.403.750 đồng (Hai triệu bốn trăm lẻ ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng). Hoàn lại cho nguyên đơn số tiền án phí đã tạm nộp.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 290, Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo Nghị Quyết)

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Công ty Tài Chính TNHH Một thành viên Ngân hàng A:

Buộc ông Nguyễn B phải trả cho Công ty Tài Chính TNHH Một thành viên Ngân hàng A số tiền là 48.075.000 đồng (Bốn mươi tám triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng chẵn), trong đó nợ gốc là 27.668.880 đồng, nợ lãi là 20.406.120 đồng. Việc trả tiền được thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ngân hàng A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn B chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì ông B phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn B phải chịu 2.403.750 đồng (Hai triệu bốn trăm lẻ ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

Trả lại cho Công ty Tài Chính TNHH Một thành viên Ngân hàng A số tiền 1.201.875 đồng (Một triệu hai trăm lẻ một nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng) là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0020785 ngày 04/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt, niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận 3;
- THADS Quận 3;
- Đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mỹ Ngọc